

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2024

**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ II NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2023-2024**

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II NĐTC 2023-2024 như sau:

1. Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II NĐTC 2023-2024:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II NĐTC 2023-2024 (từ 01/01/2024 đến 31/03/2024)	Quý II NĐTC 2022-2023 (từ 01/01/2023 đến 31/03/2023)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	9.248.190.075.785	6.980.866.633.433	2.267.323.442.352	32%
2	Giá vốn hàng bán	8.131.228.380.184	6.077.142.168.575	2.054.086.211.609	34%
3	Lợi nhuận gộp	1.116.961.695.601	903.724.464.858	213.237.230.743	24%
4	Doanh thu tài chính	138.569.931.583	73.138.746.651	65.431.184.932	89%
5	Chi phí tài chính	42.646.129.213	74.663.384.451	(32.017.255.238)	-43%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	28.753.268.551	57.069.959.356	(28.316.690.805)	-50%
6	Chi phí bán hàng	799.890.405.608	535.694.503.601	264.195.902.007	49%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	113.256.556.177	99.872.822.452	13.383.733.725	13%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	299.738.536.186	266.632.501.005	33.106.035.181	12%
9	Thu nhập khác	14.563.039.263	35.325.093.649	(20.762.054.386)	-59%
10	Chi phí khác	1.102.039.408	4.419.957.899	(3.317.918.491)	-75%
11	Lợi nhuận khác	13.460.999.855	30.905.135.750	(17.444.135.895)	-56%
12	Lợi nhuận trước thuế	313.199.536.041	297.537.636.755	15.661.899.286	5%
13	Thuế TNDN hiện hành	26.224.035.302	11.467.780.065	14.756.255.237	129%
14	Thuế TNDN hoãn lại	(31.905.691.826)	35.467.954.328	(67.373.646.154)	-190%
15	Lợi nhuận sau thuế	318.881.192.565	250.601.902.362	68.279.290.203	27%

Trong Quý II NĐTC 2023-2024, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 319 tỷ đồng, tăng 68 tỷ đồng so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính là do:

- Lợi nhuận gộp của Công ty trong Quý II NĐTC 2023-2024 tăng 213 tỷ đồng so với cùng kỳ, tương ứng với mức tăng 24%.
- Chi phí tài chính giảm 32 tỷ đồng, tương ứng giảm 43% do chi phí lãi vay giảm 28 tỷ đồng, tương ứng giảm 50% và chi phí chênh lệch tỷ giá giảm 4 tỷ đồng, tương ứng giảm 21% so với cùng kỳ.

2. Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất lũy kế 06 tháng NĐTC 2023-2024:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế 06 tháng đầu NĐTC 2023-2024 (từ 01/10/2023 đến 31/03/2024)	Lũy kế 06 tháng đầu NĐTC 2022-2023 (từ 01/10/2022 đến 31/03/2023)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	18.321.414.217.664	14.898.295.252.229	3.423.118.965.435	23%
2	Giá vốn hàng bán	16.254.758.969.701	13.804.628.151.045	2.450.130.818.656	18%
3	Lợi nhuận gộp	2.066.655.247.963	1.093.667.101.184	972.988.146.779	89%
4	Doanh thu tài chính	182.326.648.064	105.499.123.452	76.827.524.612	73%
5	Chi phí tài chính	92.198.098.846	188.571.707.880	(96.373.609.034)	-51%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	54.071.510.070	104.934.036.334	(50.862.526.264)	-48%
6	Chi phí bán hàng	1.534.882.751.393	1.204.161.716.556	330.721.034.837	27%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	217.523.904.430	207.575.617.668	9.948.286.762	5%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	404.377.141.358	(401.142.817.468)	805.519.958.826	-
9	Thu nhập khác	27.816.064.313	38.412.956.000	(10.596.891.687)	-28%
10	Chi phí khác	3.779.707.165	1.343.445.503	2.436.261.662	181%
11	Lợi nhuận khác	24.036.357.148	37.069.510.497	(13.033.153.349)	-35%
12	Lợi nhuận trước thuế	428.413.498.506	(364.073.306.971)	792.486.805.477	-
13	Thuế TNDN hiện hành	47.628.549.480	19.148.749.028	28.479.800.452	149%
14	Thuế TNDN hoãn lại	(41.458.795.176)	40.957.602.733	(82.416.397.909)	-201%
15	Lợi nhuận sau thuế	422.243.744.202	(424.179.658.732)	846.423.402.934	-

Trong 6 tháng đầu NĐTC 2023-2024, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 422 tỷ đồng, tăng 846 tỷ đồng so với cùng kỳ (6 tháng đầu NĐTC 2022-2023 lỗ 424 tỷ đồng). Nguyên nhân chính là do:

- Lợi nhuận gộp của Công ty trong 6 tháng đầu NĐTC 2023-2024 tăng 973 tỷ đồng so với cùng kỳ, tương ứng với mức tăng 89%.
- Chi phí tài chính giảm 96 tỷ đồng, tương ứng giảm 51% do chi phí lãi vay giảm 51 tỷ đồng, tương ứng giảm 48% và chi phí chênh lệch tỷ giá giảm 45 tỷ đồng, tương ứng giảm 54% so với cùng kỳ.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ VĂN THANH

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu văn thư

